

Số: 2557/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất  
năm 2020 của thị xã Hồng Lĩnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 75/NQ-CP ngày 13/6/2018 của Chính phủ về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Hà Tĩnh;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 220/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh thông qua danh mục các công trình, dự án phải điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất; danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung) năm 2020;*

*Xét đề nghị của UBND thị xã Hồng Lĩnh tại Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 22/6/2020 (Kèm Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 22/6/2020 của HĐND thị xã Hồng Lĩnh; Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất năm 2020 của thị xã Hồng Lĩnh; Bản đồ Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất năm 2020 (tỷ lệ 1:10.000) của thị xã Hồng Lĩnh);*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2493/TTr-STNMT ngày 03/8/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất năm 2020 thị xã Hồng Lĩnh, với các nội dung như sau:

## 1. Danh mục các công trình, dự án Điều chỉnh, bổ sung thực hiện đến năm 2020:

TT	Tên công trình	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng trên các loại đất			Địa điểm	Vị trí trên bản đồ điều chỉnh, bổ sung QHSD đất đến năm 2020	Ghi chú
			LUA	RPH	Đất Khác			
<b>I</b>	<b>Đất năng lượng</b>	<b>0,02</b>						
1	Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các phường thuộc thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2020	0,02			0,02	Phường Đức Thuận, phường Nam Hồng, phường Đậu Liêu	1	
<b>I</b>	<b>Đất tôn giáo</b>	<b>0,03</b>						
2	Mở rộng nhà học giáo lý giáo xứ Tiếp Võ	0,03			0,03	TDP 7, phường Nam Hồng	2	
<b>III</b>	<b>Đất thủy lợi</b>	<b>8,00</b>						
3	Công trình tiêu năng và thoát lũ đê tràn Khe Dọc, thị xã Hồng Lĩnh	8,00	0,5		7,5	Phường Trung Lương và phường Đức Thuận	3	
<b>IV</b>	<b>Đất nông nghiệp khác</b>	<b>24,91</b>						
1	Dự án chăn nuôi bò thịt chất lượng cao	1,37	1,33		0,04	Xã Thuận Lộc	4	
2	Dự án trồng dâu nuôi tằm	23,54	23,34		0,2	phường Trung Lương	5	
	<b>Tổng: 5 công trình, dự án</b>	<b>32,96</b>	<b>25,17</b>		<b>7,79</b>			

2. Tổng hợp số liệu sau khi điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất năm 2020:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích đã được UBND tỉnh duyệt (ha)	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN</b>		<b>5,897.26</b>	<b>5,897.26</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>3,277.93</b>	<b>3,276.41</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1,187.90	1,162.73
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1,187.90</i>	<i>1,162.73</i>
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	98.65	98.65
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	247.95	246.69
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1,346.86	1,346.86
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	291.38	291.38
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	36.84	36.84
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	68.35	93.26
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>2,428.78</b>	<b>2,432.55</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	56.53	56.53
2.2	Đất an ninh	CAN	3.67	3.67
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất khu chế xuất	SKT		
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	114.38	114.38
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	203.12	202.80
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	202.99	202.99
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	920.96	928.98
2.10	Đất cổ di tích lịch sử - văn hóa	DDT	11.80	11.80
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	24.50	24.50
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	47.25	47.25
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	312.34	311.91
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17.23	17.23
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2.32	2.32
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	28.98	29.01
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	116.67	116.67
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	66.49	66.49
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	7.76	7.73
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	88.73	88.73
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	10.75	10.75
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	131.31	127.81
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	61.00	61.00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích đã được UBND tỉnh duyệt (ha)	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh (ha)
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>190.55</b>	<b>188.30</b>
<b>4</b>	<b>Đất khu công nghệ cao*</b>	<b>KCN</b>		
<b>5</b>	<b>Đất khu kinh tế*</b>	<b>KKT</b>		
<b>6</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>KDT</b>	<b>5,155.81</b>	<b>5,155.81</b>

3. Vị trí, diện tích các loại đất trong Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được xác định theo bản đồ Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 (tỷ lệ 1: 10.000) và Báo cáo thuyết minh tổng hợp Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thị xã Hồng Lĩnh.

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, UBND thị xã Hồng Lĩnh có trách nhiệm:

1. Công bố công khai Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
2. Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 bổ sung trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định;
3. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt;
4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND thị xã Hồng Lĩnh và Thủ trưởng các cơ quan, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TTr. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP (phụ trách);
- Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL<sub>2</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đặng Ngọc Sơn**